

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 10: Nature in Danger](#)
 1. [A. Reading trang 71 - 72 - 73 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 2. [B. Language Focus trang 73 - 74 - 75 - 76 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 3. [C. Speaking trang 76 - 77 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 4. [D. Writing trang 77 - 78 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 10: Nature in Danger

A. Reading trang 71 - 72 - 73 SBT Tiếng Anh lớp 11

Part 1. Read the passage and choose the best option A, B, C or D to complete each of the following sentences. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu *sau*.)

Hướng dẫn dịch:

Khoảng 200 triệu năm *trước*, thời kỳ Trias dần lụi tàn, nhiều loài động vật đã biến mất khỏi mặt đất. Các nhà khoa học *trước* đây tin rằng hàng loạt các cuộc tuyệt chủng đã xảy ra trong khoảng thời gian từ 15 đến 20 triệu năm. Những khám phá gần đây ở Nova Scotia gợi ý rằng sự tuyệt chủng có thể đã xảy ra trong khoảng thời gian ngắn hơn, có lẽ ít hơn 850.000 năm.

Các bằng chứng cho sự tuyệt chủng nhanh chóng của các loài vào cuối giai đoạn Triassic được tìm thấy trong sự hình thành suối McCoy dọc theo Vịnh Fundy ở Nova Scotia. Các hóa thạch tìm thấy trong sự hình thành này cho thấy sự biến mất nhanh chóng của các loài hơn là sự thay đổi chậm chạp và dần dần theo thời gian. Một giải thích cho sự tuyệt chủng tương đối đột ngột vào cuối thời kỳ Triassic có thể là một thiên thạch lớn tấn công trái đất vào thời điểm đó và tạo ra một lỗ sâu 70 km gần đó. Nếu các nhà địa chất học và các nhà nghiên cứu khác có thể tìm thấy những bằng chứng, chẳng hạn như thạch anh bị vỡ trong các thành tạo đá, rằng một thiên thạch đã tấn công trái đất, nó sẽ cho thấy nhiều hơn lý thuyết về sự tuyệt chủng nhanh chóng Triassic nhanh chóng. Tuy nhiên, có thể là ngay cả khi một sự tuyệt chủng nhanh xảy ra trong và xung quanh Nova Scotia, nó không nhất thiết xảy ra ở phần còn lại của thế giới.

Đáp án:

1. B 2. D 3. A 4. A

Part 2. Read the passage and then do the exercises that follow. (Đọc đoạn văn và làm bài tập *sau*.)

Hướng dẫn dịch:

Sở thú xưa và nay

Các vườn thú nhỏ dạng hiện đại rất khác với vườn thú đã được xây dựng năm mươi năm **trước**. Vào thời điểm đó, vườn thú là nơi có thể nhìn thấy động vật từ nhiều nơi trên thế giới. Động vật sống trong chuồng được làm bằng bê tông có thanh sắt, lồng nhờ thế mà có thể dễ dàng giữ sạch sẽ. Thật không may cho các loài động vật, các chuồng thì nhỏ và không thể ẩn nấp ở đâu được. Môi trường vườn thú rất khác với môi trường tự nhiên. Mặc dù những người chăm sóc vườn thú chăm sóc tốt cho động vật và nuôi dưỡng **chúng** tốt, nhiều con vật không phát triển mạnh: **chúng** cư xử theo cách lạ thường và hay bị ốm.

Trong vườn thú hiện đại, người ta có thể nhìn thấy động vật ở nhiều môi trường sống tự nhiên hơn. Động vật được tự do hơn ở những khu vực rộng lớn để **chúng** có thể sống tốt hơn trong môi trường tự nhiên. Thậm chí là diện mạo bên ngoài vườn thú đã thay đổi. Cây và cỏ phát triển trong lồng và suối chảy qua các khu vực mà các động vật sống. Có một vài cái thang ngang: thay vào đó, thường chỉ có một cái mương nhỏ, đầy nước, gọi là hào. Cái rào bao quanh một khu vực mà một số loài động vật sống cùng nhau để **chúng** sẽ tự nhiên hơn. Ví dụ: tại Sở thú San Diego, du khách có thể đi qua một cái lồng đặc biệt khổng lồ đầy những cây cối, một số động vật nhỏ và nhiều loài chim. Loại lồng đặc biệt này được gọi là chim trống: chim đủ lớn để chim sống tự nhiên. Những con chim trong hươu bay quanh, làm tổ trên cây và đi săn ăn. Tại **Công** viên Động vật học ở thành phố New York, vì những ánh sáng ban đêm đặc biệt, người ta có thể quan sát động vật ở những loài động vật ban đêm mà hầu hết mọi người chưa bao giờ thấy: những động vật này chỉ hoạt động vào ban đêm, khi hầu hết các vườn thú đóng cửa. Trong một sở thú như Bảo tàng Sa mạc Sonora ở Arizona, mọi người có thể nhìn thấy những động vật sống trong những môi trường đặc biệt như sa mạc. Một số vườn thú khác có những nơi đặc biệt dành cho du khách để xem các động vật sống dưới nước như cá. Còn các vườn thú khác có những nơi đặc biệt cho những động vật sống trong môi trường cực lạnh cực như con gấu lớn thuộc vùng Bắc Cực.

Các vườn thú hiện đại không chỉ cho du khách xem động vật mà còn bảo tồn và cứu các loài nguy cấp. Những động vật quý hiếm như đại bàng hạch **Mỹ** và bò rừng hiện đang sinh sống và sinh đẻ con cái trong vườn thú. Vì lý do này, năm mươi năm kể từ bây giờ các cháu của những du khách ngày nay vẫn có thể thăm thú những động vật này.

Exercise 1. Choose the statement that is the main idea of the passage. (Chọn khẳng định mang ý nghĩa chính của toàn đoạn văn.)

Đáp án: A

Exercise 2. Tick (x) whether each of the following statements is true (T) or false (F). (Đánh dấu tích vào mỗi câu **sau** để xem câu đó đúng (T) hay sai (F).)

Đáp án:

1. T
2. F
3. F
4. F
5. T
6. T

B. Language Focus trang 73 - 74 - 75 - 76 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Practise reading the words which contain the sounds /sl/, /sm/, /sn/ and /sw/ and then write them in the right columns below. (Thực hành đọc những từ có chứa âm /sl/, /sm/, /sn/ và /sw/ và viết **chúng** vào đúng cột dưới đây.)

Đáp án:

/sl/ /sm/ /sn/ /sw/

sleep, slim smile, Smith, small snow, sneeze, snore swim, switch

Exercise 2. Choose the best option A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following sentences. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chỉ ra phần gạch chân cần chỉnh sửa ở mỗi câu **sau**.)

Đáp án:

1. C 2. A 3. C 4. C 5. C
6. C 7. A 8. C 9. A 10. C

Exercise 3. Complete the sentences with who, whom, that, which, or whose, if necessary. (Hoàn thành những câu **sau** với các từ who, whom, that, which, hoặc whose, nếu cần thiết.)

Đáp án:

1. that / which
2. that / which / Ø
3. who
4. that / which / Ø
5. whose
6. that / which / Ø

Hướng dẫn dịch:

1. Ngày càng có nhiều người từ chối dùng thực phẩm đến từ các nhà sản xuất địa phương.
2. Làm việc trên mạng Internet là một khả năng mà mọi người đang khám phá.
3. Nhiều người đến từ miền quê hiện đang quay trở về thành phố.
4. Những người trẻ đang quay về niềm tin truyền thống mà bố mẹ họ đã bỏ qua.
5. Những bậc cha mẹ có con cái đang học Đại học đang phải làm việc nhiều giờ hơn để chi trả học phí cho con cái.
6. Các biện pháp tự nhiên là những gì mà nhiều người ngày nay đang thử nghiệm.

Exercise 4. Fill each gap with one suitable word. (Điền vào chỗ trống 1 từ thích hợp.)

Đáp án:

1. human
2. per cent
3. that
4. try
5. species
6. anyone
7. animals
8. though
9. ecology
10. interested

Hướng dẫn dịch:

Bất cứ ai nghĩ rằng dơi là loài gây hại nguy hiểm đều sai trong hầu hết các trường hợp. Trên thực tế, hầu hết các loài dơi đều có ích đối với con người. Sáu mươi đến bảy mươi phần trăm loài dơi ăn côn trùng. Những con dơi sẽ ăn bất cứ thứ gì mà chúng tìm thấy khi chúng bay trong không trung vào ban đêm. Một số người thậm chí còn cố gắng thu

hút dơi vào nhà của họ để bắt muỗi. Những con dơi khác là cần thiết để thụ phấn các loài thực vật cụ thể. Thật không may, dơi rất đáng sợ cho bất cứ ai tin vào những câu chuyện cũ của dơi ma cà rồng. Trên thực tế, chỉ có ba loài dơi hút máu, thường chỉ là đối với các động vật nhỏ. Tuy nhiên, đúng là những con dơi ma cà rồng có thể lây lan các bệnh như bệnh dại cho các loài khác. Mặc dù nhiều người vẫn tiếp tục không thích và sợ những con dơi, điều quan trọng là phải nhớ rằng **chúng** là một bộ phận quan trọng của sinh thái, đặc biệt là ở rừng nhiệt đới. Bất cứ điều gì gây nguy hiểm cho loài dơi ở những khu vực này cũng sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái mong manh của khu vực. Bất cứ ai quan tâm đến việc học thêm về loài dơi đều có thể ghé thăm thư viện của địa phương mình.

C. Speaking trang 76 - 77 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Choose the best option A, B, C or D to indicate the correct function of each of the underlined expressions in the conversations. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chọn mục đích của mỗi phần được gạch chân.)

Hướng dẫn dịch:

Bài I:

Anna bắt đầu ngày đầu tiên làm việc. Người bạn đồng nghiệp đang ngồi cạnh **cô**, Doris, đưa **cô** đi lòng vòng vài nơi.

Doris: Laura, đây là Anna. **Cô** ấy mới ở đây và sẽ làm việc với tôi trong Bộ phận Kế toán.

Laura: Xin chào, Anna. Rất vui được gặp bạn. Và chào mừng bạn đến với **công ty chúng** tôi.

Anna: Cảm ơn. Tôi cũng vui lòng gặp bạn. Bạn làm gì ở đây?

Laura: Tôi là người viết quảng cáo.

Bài II:

Hai khách du lịch đang đi dọc theo phố.

Linda: Thật là một buổi chiều tuyệt vời.

Tom: Thật là nóng! Nhìn này! Người tôi đang ra đây mồ hôi ... Và tôi cũng thấy khát nữa.

Linda: Sao **chúng** ta không vào nhà hàng này? Có vẻ như có máy lạnh. **Chúng** ta có thể ăn trưa ở đây.

Tom: Đó là một ý kiến hay đấy. Đi nào.

Đáp án:

Bài I. 1. D 2. C

Bài II. 1.C 2.B

Exercise 2. Below are statements about animals. Do you agree or disagree with them? (Dưới đây là các khẳng định về động vật. Bạn đồng ý hay không đồng ý?)

Bài mẫu:

	Agree	Disagree
1 Using animals for medical research is unpleasant but necessary.	x	
2 We should all be vegetarians. Eating meat is unhealthy and immoral.		x
3 Governments should ban hunting.	x	
4 Every animal on earth is important and the extinction of one threatens us all.		x
5 Hunting should be encouraged as it's an effective way to control animal population.	x	
6 Zoos ought to be abolished since they do nothing to educate people about animals.	x	
7 Already many species of animals have become extinct, and it hasn't created any problems.		x
8 Strong laws must be passed to protect the rights of animals.	x	
9 An animal has the same right to life as a person does.	x	
10 Killing animals for fur is unethical and unnecessary.	x	

Hướng dẫn dịch:

	Đồng ý	Không đồng ý
1 Sử dụng động vật cho việc nghiên cứu y học dù khó chịu nhưng cần thiết.	x	

- | | | |
|----|--|---|
| 2 | Tất cả chúng ta nên ăn chay. Ăn thịt không lành mạnh và vô đạo đức . | x |
| 3 | Các chính quyền nên ngăn cấm săn bắn. | x |
| 4 | Mỗi loài động vật trên Trái Đất đều quan trọng và sự tuyệt chủng của 1 loài đe dọa tất cả chúng ta. | x |
| 5 | Săn bắn nên được khuyến khích vì nó là một cách hiệu quả để làm chủ số lượng động vật. | x |
| 6 | Các vườn thú nên bị xóa bỏ vì chúng không góp phần giáo dục con người về động vật. | x |
| 7 | Đã có rất nhiều giống loài tuyệt chủng nhưng nó chưa tạo ra bất cứ vấn đề nào cả. | x |
| 8 | Các luật pháp răn đe cần được tuyên truyền để bảo vệ quyền của động vật. | x |
| 9 | Một con vật cũng có quyền sống tương tự như con người. | x |
| 10 | Giết động vật để lấy lông là phi đạo đức và không cần thiết. | x |

D. Writing trang 77 - 78 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Complete the following sentences with the phrases from the box. (Hoàn thành những câu **sau** bằng các cụm từ trong khung.)

Đáp án:

1. A 2. G 3. F 4. B 5. E 6. C 7. D

Hướng dẫn dịch:

- Sự thành **công** của các kỳ nghỉ chung phụ thuộc vào người mà bạn đi cùng.
- Có 2 người mà **chúng** ta nợ nhiều hơn **chúng** ta có thể nói.
- Câu chuyện mà tôi nghe ngày hôm qua thật thú vị.
- Người phụ nữ mà mà tôi sẽ kể cho bạn dạy tôi tiếng **Pháp**.
- Bộ phim mà họ đang nói tới thật tuyệt vời.
- Tôi sẽ đưa cho bạn địa chỉ mà bạn có thể viết.

7. Đó là một loại xe mà tôi không quen lắm.

Exercise 2. Write a passage about a law to help protect endangered species . Using the suggestions below. (Viết 1 đoạn văn về 1 đạo luật để bảo vệ các loài vật đang bị đe dọa. Sử dụng các gợi ý dưới đây.)

Bài mẫu:

Many species are now in danger of becoming extinct. Among the threats to endangered species are businesses that buy and sell animals for their skin, fur and other parts.

Unfortunately, the people who run these businesses are not discouraged by fines. A better way to control the problem would be to force whoever is caught buying or selling products made from endangered species to do community service.

Hướng dẫn dịch:

Nhiều loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Trong số các mối đe dọa đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng là các doanh nghiệp mua bán động vật lấy da, lông thú và các bộ phận khác.

Thật không may, những người quản trị các doanh nghiệp này không bị ngăn chặn bởi tiền phạt. Một cách tốt hơn để kiểm soát vấn đề sẽ là bắt buộc bất cứ ai bị bắt mua hoặc bán sản phẩm làm từ các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng để làm dịch vụ cộng đồng.